

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 53

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành (tên cũ Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc (tên cũ Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành (tên cũ Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Hà Nội (Samco Hà Nội)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên - Nhà máy ô tô thương mại Samco.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mõi, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong kỳ, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Quốc Huy	Việt Nam	Chủ tịch	
Ông Trần Quốc Toản	Việt Nam	Thành viên	
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 12/02/2023
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Thành viên	
Ông Vũ Huy Hoàng	Việt Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toản	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tám	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Võ Ngọc Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách, Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách, Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toản	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tuỳ thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám Đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023



Số: 230a/2023/BCKT-HCM.00147

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 31 tháng 07 năm 2023, từ trang 07 đến trang 53 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định với giá trị ước tính là 53.782.880.747 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022. Nếu khoản chi phí này được phản ánh đầy đủ vào Báo cáo tài chính thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, chỉ tiêu Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (mã số 254) tăng thêm một khoản là 53.782.880.747 VND đồng thời Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) giảm đi một khoản tương ứng là 53.782.880.747 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẶC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

LÊ THỊ NGỌC ANH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5831-2023-009-1

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.553.684.949.802	1.609.581.803.378
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	224.430.427.196	322.465.107.290
Tiền	111		224.430.427.196	322.465.107.290
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		687.095.320.502	659.274.937.667
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	392.765.984.927	503.756.237.951
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	30.794.382.589	19.932.341.569
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.203.286.634	3.203.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	326.373.505.559	201.224.910.720
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(69.045.349.597)	(71.845.349.597)
Tài sản thiếu chò xử lý	139		3.003.510.390	3.003.510.390
Hàng tồn kho	140	5.8	622.528.652.659	612.451.616.831
Hàng tồn kho	141		666.433.065.974	656.356.030.146
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(43.904.413.315)	(43.904.413.315)
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.630.549.445	15.390.141.590
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	3.831.362.893	1.645.844.895
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.878.523.976	5.429.640.091
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	10.920.662.576	8.314.656.604
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.857.978.336.107	2.907.258.512.434
Các khoản phải thu dài hạn	210		49.220.040.140	48.724.490.140
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	49.220.040.140	48.724.490.140
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		1.037.359.695.630	1.080.217.345.260
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.036.019.562.680	1.078.483.718.264
Nguyên giá	222		1.900.043.568.856	1.894.165.203.947
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(864.024.006.176)	(815.681.485.683)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.340.132.950	1.733.626.996
Nguyên giá	228		8.140.831.798	9.265.018.036
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.800.698.848)	(7.531.391.040)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		381.635.283.029	377.688.959.391
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	381.635.283.029	377.688.959.391
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.328.059.565.991	1.328.059.565.991
Đầu tư vào công ty con	251		464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		914.717.399.892	914.717.399.892
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.545.536.115)	(51.545.536.115)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		61.703.751.317	72.568.151.652
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	61.703.751.317	72.568.151.652
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.411.663.285.909	4.516.840.315.812

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.868.155.641.392	2.010.044.775.850
Nợ ngắn hạn	310		1.069.447.287.482	1.185.763.798.725
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	125.060.822.552	144.300.512.396
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	25.676.893.146	29.895.616.127
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	69.877.392.377	25.063.199.668
Phải trả người lao động	314		53.603.922.026	64.215.900.639
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	4.538.198.640	10.446.654.687
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17.1	6.744.139.776	1.012.289.940
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	14.724.721.727	11.047.814.747
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	653.783.400.000	781.026.852.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	115.437.797.238	118.754.958.140
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		798.708.353.910	824.280.977.125
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17.2	115.681.498.744	119.413.442.326
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	379.355.674.999	380.887.208.389
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	290.467.416.313	308.467.416.313
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.21	13.203.763.854	15.512.910.097

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.543.507.644.517	2.506.795.539.962
Vốn chủ sở hữu	410	5.22	2.543.507.644.517	2.506.795.539.962
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		746.938.644.517	710.226.539.962
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.411.663.285.909	4.516.840.315.812

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG HUỲNH THỊ HẠNH
Người lập biếu Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.408.156.790.087	2.257.698.048.299
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.408.156.790.087	2.257.698.048.299
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.370.331.729.829	2.149.571.724.619
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.825.060.258	108.126.323.680
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	237.030.795.351	104.720.118.927
Chi phí tài chính	22	6.4	24.914.006.286	11.092.330.708
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		24.900.549.550	11.077.404.527
Chi phí bán hàng	25	6.5	102.555.241.496	130.595.430.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	54.755.636.058	44.494.822.815
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.630.971.769	26.663.858.709
Thu nhập khác	31	6.7	32.969.648.190	21.738.553.128
Chi phí khác	32	6.8	675.773.988	1.556.494.374
Lợi nhuận khác	40		32.293.874.202	20.182.058.754
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		124.924.845.971	46.845.917.463
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	-	6.181.818
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		124.924.845.971	46.839.735.645

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập biếu

HUỲNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	124.924.845.971	46.845.917.463
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khâu hao tài sản cố định	02	52.833.285.291	55.184.924.613
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	(2.800.000.000)	(6.666.108.656)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.051.570	(6.120.498)
(Lỗ), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(231.915.125.194)	(102.424.941.481)
Chi phí lãi vay	06	24.900.549.550	11.077.404.527
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(32.048.392.812)	4.011.075.968
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	94.625.418.077	69.191.011.087
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(10.077.035.828)	183.067.933.733
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(31.273.560.474)	(54.668.422.363)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	7.622.783.499	(4.037.915.572)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.158.011.289)	(12.445.304.044)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(9.653.953)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	131.716.900	158.315.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(30.593.770.295)	(28.183.206.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(26.770.852.222)	157.083.832.983
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.976.247.005)	(13.105.004.663)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	863.636	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	109.718.020.789	176.446.262.423
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	95.742.637.420	163.341.257.760
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	818.898.490.000	1.431.719.733.846
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(964.141.942.381)	(1.509.581.072.699)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.765.812.116)	(88.418.867)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(167.009.264.497)	(77.949.757.720)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	50	(98.037.479.299)	242.475.333.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	322.465.107.290	79.584.071.840
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	61	2.799.205	10.912.490
	70	224.430.427.196	322.070.317.353



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
 Người lập biểu

HUỲNH THỊ HẠNH
 Kế toán trưởng

TRẦN QUỐC TOẢN
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tổng Công ty

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Số 163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biều quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biều quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	16,17%	16,17%	16,17%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	14/4A Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ôtô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ôtô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ôtô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền表决	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.125 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.145 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	03 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 25
Phương tiện vận tải	03 – 25
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 25
Tài sản cố định khác	03 – 09

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty được thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Theo đó, lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- Chia lãi cho các bên liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
- Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).
- Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển.
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo đánh giá xếp loại doanh nghiệp. Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung trên được nộp về Ngân sách Nhà nước.

4.15 Tiền lương

Tổng Công ty ghi nhận tiền lương căn cứ vào Thông báo của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 của Tổng Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm công bố báo cáo tài chính này Tổng Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh nên Tổng Công ty đang ghi nhận quỹ lương căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Tổng Công ty sẽ điều chỉnh khi có Thông báo duyệt quỹ lương thực hiện chính thức.

4.16 Các khoản trích theo lương

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 09 năm 2022, Công ty trích BHTN vào chi phí 0% theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ xây dựng

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cỗ tức, Lợi nhuận còn lại

Cỗ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thường của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác.

4.19 Giá vốn

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyên theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Ôtô An Thái	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Công Trình Giao thông Quận 8	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	4.302.706.327	4.336.488.487
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	219.582.297.015	317.583.468.688
- USD (*)	545.423.854	545.150.115
	<u>224.430.427.196</u>	<u>322.465.107.290</u>

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 23.326,18 USD tương đương 545.423.854 VND.

5.2 Các khoản đầu tư**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Đầu tư vào công ty con	(a) 464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b) 914.717.399.892	914.717.399.892
Dự phòng giảm giá đầu tư	(51.545.536.115)	(51.545.536.115)
	<u>1.328.059.565.991</u>	<u>1.328.059.565.991</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

(a) Đầu tư vào công ty con

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	(*)	246.455.000.000	-	- (*)
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	72.000.000.000	-	(*)	72.000.000.000	-	- (*)
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	(*)	3.836.500.000	-	- (*)
Công ty CP Bến bến Vận tải Sài Gòn	25.500.000.000	-	(*)	25.500.000.000	-	- (*)
Công ty CP Bến xe Miền Tây	12.750.000.000	-	220.447.500.000	12.750.000.000	-	214.200.000.000
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	81.288.900.000	-	(*)	81.288.900.000	-	- (*)
	464.887.702.214	(23.057.302.214)	220.447.500.000	464.887.702.214	(23.057.302.214)	214.200.000.000

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên doanh						
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	93.935.921.750	(2.253.165.430)	(*)	93.935.921.750	(2.253.165.430)	(*)
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	22.007.742.521	(3.399.109.223)	(*)	22.007.742.521	(3.399.109.223)	(*)
Công ty liên kết						
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	294.000.000.000	-	(*)	294.000.000.000	-	(*)
Công ty CP Cảng Phú Định (**)	161.700.000.000	-	(*)	161.700.000.000	-	(*)
Công ty CP Đóng tàu An Phú	29.400.000.000	(15.685.395.341)	(*)	29.400.000.000	(15.685.395.341)	(*)
Công ty CP Công trình GT Quận 8	4.906.169.190	(4.906.169.190)	(*)	4.906.169.190	(4.906.169.190)	(*)
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	(876.566.867)	(*)	48.000.000.000	(876.566.867)	(*)
Công ty CP Ôtô An Thái	9.200.000.000	-	(*)	9.200.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	86.406.452.000	-	(*)	86.406.452.000	-	(*)
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700	-	(*)	11.050.123.700	-	(*)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	13.839.425.000	-	(*)	13.839.425.000	-	(*)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	(*)	88.536.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	16.977.737.881	-	(*)	16.977.737.881	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	(*)	33.390.000.000	-	(*)
	914.717.399.892	(28.488.233.901)		914.717.399.892	(28.488.233.901)	

(*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Số dư đầu kỳ	51.545.536.115	34.946.118.013
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	51.545.536.115	34.946.118.013

(**) Tổng Công ty chưa trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty CP Cảng Phú Định cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2022 được lập ngày 24 tháng 04 năm 2023.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	70.599.956.080	73.061.754.724
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines Tại Tp Hà Nội	89.392.777.772	76.150.000.000
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	69.810.989.508	215.187.140
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	3.128.502.993	3.128.502.993
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	818.879.998	1.025.363.274
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	8.764.290	8.764.290
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	4.708.000	6.941.980
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	22.820.600	1.783.380
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn	-	1.499.160
Công ty CP Xe khách và DV Miền Tây	-	19.110.000.000
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	-	10.739.290
Các tổ chức khác		
Công ty CP XD TM Phú Mỹ Lợi	33.067.899.761	37.067.899.761
Công ty CP TM Ôtô Gia Định	4.090.750.000	59.950.750.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	74.972.800.000
Các khách hàng khác	<u>121.819.935.925</u>	<u>159.044.251.959</u>
	<u>392.765.984.927</u>	<u>503.756.237.951</u>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Các tổ chức khác		
Công ty Ôtô Toyota Việt Nam	17.395.729.616	8.895.052.621
Ông Nguyễn Sáu	1.265.790.887	2.322.192.345
Công ty TNHH Ôtô Mitsubishi Việt Nam	-	504.729.600
Các nhà cung cấp khác	<u>12.132.862.086</u>	<u>8.210.367.003</u>
	<u>30.794.382.589</u>	<u>19.932.341.569</u>

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	<u>366.286.634</u>	<u>366.286.634</u>
	<u>3.203.286.634</u>	<u>3.203.286.634</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
<i>Phải thu lãi cho vay</i>				
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	777.273.863	(777.273.863)	777.273.863	(777.273.863)
<i>Lợi nhuận, cổ tức được chia</i>				
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	13.882.064.965	-	85.515.427.583	-
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	49.337.233.055	-	49.337.233.055	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	225.630.957.121	-	1.458.025.171	-
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	3.060.000.000	-	-	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	378.276.125	-	-	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	-	-	33.781.604.688	-
<i>Phải thu khác – dịch vụ cung cấp</i>				
Công ty Vận tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	206.129.090	-	68.629.090	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	-	-	2.600.000.000	-
Các đối tượng khác				
Bảo hiểm y tế	135.493.224	-	122.026.574	-
Bảo hiểm thất nghiệp	104.416.508	-	95.688.274	-
Tạm ứng	4.891.073.246	-	6.143.962.364	-
Ký quỹ khác	4.731.000.000	(39.300.000)	4.342.300.000	(39.300.000)
Các khoản phải thu khác	23.115.982.571	(1.879.058.238)	16.859.134.267	(1.879.058.238)
	326.373.505.559	(2.819.237.892)	201.224.910.720	(2.819.237.892)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	38.552.292.000	-	38.552.292.000	-
Công ty TNHH SX – TM Hồng Tiến Phát – ký quỹ	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Các khoản phải thu khác	1.592.700.000	-	1.097.150.000	-
	49.220.040.140	-	48.724.490.140	-

5.7 Nợ xấu

	30/06/2023			01/01/2023		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty CP Bến Xe Miền Tây – phải thu thương mại	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn – phải thu thương mại	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)
– phải thu về cho vay	Trên 3 năm	2.837.000.000	(2.837.000.000)	Trên 3 năm	2.837.000.000	(2.837.000.000)
– phải thu khác	Trên 3 năm	777.273.863	(777.273.863)	Trên 3 năm	777.273.863	(777.273.863)
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn – phải thu về cho vay	Trên 3 năm	366.286.634	(366.286.634)	Trên 3 năm	366.286.634	(366.286.634)
Công ty Vận tải Sông Sài Gòn – phải thu khác	Trên 3 năm	123.605.791	(123.605.791)	Trên 3 năm	123.605.791	(123.605.791)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam – Ứng trước	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN – phải thu thương mại	Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)	Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)
Công ty CP Đóng tàu An Phú	Trên 3 năm	3.003.510.390	(3.003.510.390)	Trên 3 năm	3.003.510.390	(3.003.510.390)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

	30/06/2023			01/01/2023		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khách hàng khác						
Công ty TNHH Quốc Đạt	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phượng Hoàng	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Công trình Quận Bình Thạnh (1)	Trên 3 năm	5.823.842.377	(5.823.842.377)	Trên 3 năm	5.823.842.377	(5.823.842.377)
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp (2)	Trên 3 năm	1.907.991.501	(1.907.991.501)	Trên 3 năm	1.907.991.501	(1.907.991.501)
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn (3)	Trên 3 năm	1.406.299.000	(1.406.299.000)	Trên 3 năm	1.406.299.000	(1.406.299.000)
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông (4)	Trên 3 năm	1.088.211.782	(1.088.211.782)	Trên 3 năm	1.088.211.782	(1.088.211.782)
Công ty CP Tổng hợp Thế Giới Xanh (5)	Trên 3 năm	16.387.231.284	(16.387.231.284)	Trên 3 năm	17.187.231.284	(17.187.231.284)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Phú Mỹ Lợi (6)	Từ > 1 năm đến < 2 năm	4.559.571.500	(2.279.785.750)	Từ > 1 năm đến < 2 năm	8.559.571.500	(4.279.785.750)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Phú Mỹ Lợi (7)	Từ > 2 năm đến < 3 năm	21.384.544.269	(14.969.180.988)	Từ > 2 năm đến < 3 năm	21.384.544.269	(14.969.180.988)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	6.064.586.742	(6.064.586.742)	Trên 3 năm	6.064.586.742	(6.064.586.742)
		77.740.498.628	(69.045.349.597)		82.540.498.628	(71.845.349.597)

- (1) Công trình Cống thoát nước hẻm 125-67 Đinh Tiên Hoàng.
- (2) Công trình AB INBEV BINHDUONG BREWERY - Gói 2.
- (3) Công trình Xây lắp đường Thới Tú - Trung Đông và Công trình đường Xuân Thới Sơn – Xuân Thới Đông.
- (4) Sửa chữa đường Lê Đức Thọ (từ cầu Trường Đại đến cầu Cụt) thuộc GT Xây dựng phần đường + thoát nước + công bô kỹ thuật công trình.
- (5) Khu đô thị Năm Sao - Giai đoạn 1.2 (39ha).
- (6) Công trình: Đắp đất lấp bờ kè Rạch Lồng Đèn - KDC Bình Điền.
- (7) Gồm: Trạm xử lý nước thải KDC Bình Điền, công suất 1100m³/ngày (giai đoạn 1); Xây dựng bờ kè rạch Lồng Đèn KDC Bình Điền Khu 17 - Khu đô thị mới Nam thành phố.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Số dư đầu kỳ	71.845.349.597	72.902.111.738
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	(2.800.000.000)	(2.767.941.266)
Số dư cuối kỳ	69.045.349.597	70.134.170.472

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	171.401.199.832	-	161.220.678.965	-
Công cụ dụng cụ	359.695.828	-	407.136.723	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	45.067.096.889	-	49.636.133.468	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	2.028.757.010	-	2.174.310.051	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	10.253.044.943	-	10.831.784.028	-
Thành phẩm	223.048.368.965 (43.904.413.315)	211.569.423.611 (43.904.413.315)		
Hàng hóa	214.274.902.507	-	220.516.563.300	-
	666.433.065.974 (43.904.413.315)		656.356.030.146 (43.904.413.315)	

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Số đầu kỳ	43.904.413.315	51.718.662.904
Hoàn nhập dự phòng	-	(3.898.167.390)
Số cuối kỳ	43.904.413.315	47.820.495.514

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí du lịch, đồng phục nhân viên	1.492.293.928	64.000.000
Công cụ, dụng cụ	384.132.050	575.524.858
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	268.088.038
Chi phí sửa chữa, cải tạo	982.052.909	382.355.257
Chi phí thuê mặt bằng	437.224.834	-
Khác	535.659.172	355.876.689
	3.831.362.893	1.645.844.895

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí tiền thuê đất trả trước	53.283.658.280	56.104.093.118
Chi phí thuê tài sản gắn liền với đất	5.791.666.673	12.741.666.671
Công cụ, dụng cụ	90.511.526	142.969.694
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.678.679.962	3.105.791.071
Khác	859.234.876	473.631.098
	61.703.751.317	72.568.151.652

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	1.353.976.551.506	367.969.533.497	78.073.509.025	15.821.282.754	78.324.327.165	1.894.165.203.947
Mua sắm trong kỳ	38.058.178	224.890.000	8.337.253.636	-	297.330.000	8.897.531.814
Đầu tư XDCB hoàn thành	354.091.553	778.300.000	-	-	-	1.132.391.553
Giảm do thanh lý	-	(530.176.261)	-	-	-	(530.176.261)
Giảm do xóa sổ	(2.519.580.768)	(298.426.500)	-	(803.374.929)	-	(3.621.382.197)
Tại ngày 30/06/2023	1.351.849.120.469	368.144.120.736	86.410.762.661	15.017.907.825	78.621.657.165	1.900.043.568.856
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	408.617.439.570	273.813.420.253	43.375.496.147	15.606.025.733	74.269.103.980	815.681.485.683
Khấu hao trong kỳ	29.192.409.169	15.590.349.084	6.230.897.941	74.953.850	1.405.468.907	52.494.078.951
Giảm do thanh lý	-	(530.176.261)	-	-	-	(530.176.261)
Giảm do xóa sổ	(2.519.580.768)	(298.426.500)	-	(803.374.929)	-	(3.621.382.197)
Tại ngày 30/06/2023	435.290.267.971	288.575.166.576	49.606.394.088	14.877.604.654	75.674.572.887	864.024.006.176
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	945.359.111.936	94.156.113.244	34.698.012.878	215.257.021	4.055.223.185	1.078.483.718.264
Tại ngày 30/06/2023	916.558.852.498	79.568.954.160	36.804.368.573	140.303.171	2.947.084.278	1.036.019.562.680
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2023	67.204.676.520	167.524.855.773	17.028.473.255	14.987.775.026	64.135.738.138	330.881.518.712
Tại ngày 30/06/2023	67.867.091.829	170.541.868.109	19.191.773.255	14.445.380.825	68.491.249.488	340.537.363.506

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 731.119.746.082 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 750.859.724.960 VND).

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.11 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2023	9.265.018.036
Giảm do xóa sổ	<u>(1.124.186.238)</u>
Tại ngày 30/06/2023	<u>8.140.831.798</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2023	7.531.391.040
Khấu hao tăng trong kỳ	<u>393.494.046</u>
Giảm do xóa sổ	<u>(1.124.186.238)</u>
Tại ngày 30/06/2023	<u>6.800.698.848</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2023	<u>1.733.626.996</u>
Tại ngày 30/06/2023	<u>1.340.132.950</u>

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 1.652.358.434 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 nhưng vẫn còn sử dụng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 2.776.544.672 VND).

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2023 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	30/06/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	70.090.909	778.300.000	(778.300.000)	70.090.909
Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng-tái định cư tại Phường Long Bình, Quận 9, TP.HCM và Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	370.493.588.393	-	-	370.493.588.393
Các công trình khác	<u>7.125.280.089</u>	<u>4.300.415.191</u>	<u>(354.091.553)</u>	<u>11.071.603.727</u>
	<u>377.688.959.391</u>	<u>5.078.715.191</u>	<u>(1.132.391.553)</u>	<u>381.635.283.029</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	29.147.568.489	29.147.568.489	18.304.360.799	18.304.360.799
Công ty CP Vận tải Ôtô Số 2	4.210.809.090	4.210.809.090	3.382.900.000	3.382.900.000
Công ty TNHH KUMHO Samco Buslines	793.311.056	793.311.056	668.057.437	668.057.437
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn	111.689.221	111.689.221	321.660.896	321.660.896
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	419.040.000	419.040.000	-	-
Công ty CP Hoà Phú	153.311.892	153.311.892	126.308.666	126.308.666
Chi Nhánh Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn tại Thành phố Cần Thơ	13.900.215	13.900.215	11.872.367	11.872.367
Công ty TNHH Dịch vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tsusho	5.550.050	5.550.050	8.277.140	8.277.140
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	-	-	1.342.751.502	1.342.751.502
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	-	-	827.244.551	827.244.551
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	21.561.778.020	21.561.778.020	27.605.947.932	27.605.947.932
Phải trả nhà cung cấp khác	68.643.864.519	68.643.864.519	91.701.131.106	91.701.131.106
	125.060.822.552	125.060.822.552	144.300.512.396	144.300.512.396

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
Các tổ chức khác				
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 12		11.766.000.000		11.766.000.000
Công ty TNHH Thương mại Trần Vũ		4.187.700.000		4.187.700.000
Các khách hàng khác		9.723.193.146		13.941.916.127
	25.676.893.146			29.895.616.127

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2023		Số phát sinh trong kỳ			30/06/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Giảm do quyết toán VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	1.134.262.868	-	12.967.117.571	9.520.532.413	-	4.580.848.026	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa - (công trình)	429.245.152	-	-	-	-	429.245.152	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	1.604.672.643	1.604.672.643	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	1.109.601.414	1.109.601.414	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.981.745	5.004.859.126	-	-	-	5.981.745	5.004.859.126
Tiền thuê đất	-	3.266.096.563	17.014.735.811	19.645.524.753	-	-	5.896.885.505
Thuế tài nguyên	-	-	1.882.720	1.882.720	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.727.897.787	27.710.020	5.040.953.107	4.685.167.525	574.578.111	1.484.322.288	2.927.050
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.765.812.116	15.990.895	63.401.215.247	21.790.032.197	-	63.376.995.166	15.990.895
	25.063.199.668	8.314.656.604	101.140.178.513	58.357.413.665	574.578.111	69.877.392.377	10.920.662.576

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế đối với hoạt động chính là 20%.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	124.924.845.971	46.845.917.463
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	3.766.277.744	2.817.960.775
Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(231.604.315.975)</u>	<u>(106.166.507.617)</u>
Thu nhập tính thuế TNDN	(102.913.192.260)	(56.502.629.379)
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động XSKD chính	(102.913.192.260)	(56.533.538.469)
Thu nhập từ hoạt động KD bất động sản	-	30.909.090
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>-</u>	6.181.818

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công trình xây dựng	1.448.654.071	5.573.411.032
Trích trước chi phí lãi vay	1.394.968.863	1.652.430.602
Trích trước tiền điện	1.236.426.048	920.421.386
Bảo hành nghiệm thu xe	-	428.540.159
Chi phí trích trước khác	458.149.658	1.871.851.508
	4.538.198.640	10.446.654.687

5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	6.744.139.776	-
Các đối tượng khác		
Giữ xe	-	970.289.940
Cho thuê nhà xưởng	-	42.000.000
	6.744.139.776	1.012.289.940

5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	79.561.630.379	82.199.032.493
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	36.119.868.365	37.214.409.833
	115.681.498.744	119.413.442.326

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Xe khách Sài Gòn		
- Nhận ký quỹ, ký cược	61.510.000	-
Các đối tượng khác		
Kinh phí công đoàn	162.489.422	190.678.233
Bảo hiểm xã hội	340.113.889	412.601.972
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.803.047.790	936.579.600
Phải trả khác	9.357.560.626	9.507.954.942
	14.724.721.727	11.047.814.747

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	370.775.986.999	370.775.986.999
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.579.688.000	10.111.221.390
	379.355.674.999	380.887.208.389

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng		
- Ký phiếu nội bộ		
Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.19.2	(a) 615.483.400.000 (b) 2.300.000.000 (a) 36.000.000.000	743.556.852.381 1.470.000.000 36.000.000.000
	653.783.400.000	781.026.852.381

(a) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Công Thương Việt Nam		
- CN Thủ Thiêm (1)	175.788.600.000	41.043.220.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC		
- CN TP. Hồ Chí Minh (2)	156.105.110.000	154.534.860.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (3)	169.014.790.000	448.177.972.381
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 2 (4)	114.574.900.000	99.800.800.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Công Thương Việt Nam		
- CN Thủ Thiêm (1)	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (3)	18.000.000.000	18.000.000.000
	651.483.400.000	779.556.852.381

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 91/2023-HĐCVHM/NHCT903-SAMCO ngày 09 tháng 02 năm 2023 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

- Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng;
Lãi suất vay : Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định (theo hợp đồng);
Hình thức đảm bảo : Quyền sử dụng đất thuê và toàn bộ tài sản trên đất tại 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

(2) Là khoản vay tự động gia hạn theo hợp đồng tín dụng số VNM 162849 ngày 13 tháng 08 năm 2021 từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (VN):

- Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay : Từ 13/08/2021;
Lãi suất vay : Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ;
Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

(3) Là khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0057/SGN.KHDN/LD23 ngày 28 tháng 03 năm 2023 và hợp đồng tín dụng 0056/SGN.kHDN/LD23 ngày 28 tháng 03 năm 2023 và thỏa thuận cấp bão lánh theo hạn mức số 0058/SGNICHDN/LD23 ngày 28/03/2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
Thời hạn vay : 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
Lãi suất vay : Căn cứ theo thông báo lãi suất cho vay tại từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

(4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 29256.22.103.585904.TD ngày 31 tháng 08 năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 2:

- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động thương mại xe ô tô;
Thời hạn vay : Từ ngày 31/08/2022 đến ngày 15/06/2023; các khoản vay có số dư tại ngày 30/06/2023 đến hạn vào tháng 8/2023 và tháng 9/2023;
Lãi suất vay : Lãi suất thoả thuận cụ thể theo từng khế ước vay;
Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

(b) Chi tiết vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Kỳ phiếu nội bộ	<u>2.300.000.000</u>	<u>1.470.000.000</u>
	<u>2.300.000.000</u>	<u>1.470.000.000</u>

Vay ngắn hạn của Công đoàn và cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với thời gian 03 tháng, lãi suất 0,56%/tháng.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2023 VND	Vay trong kỳ VND	Kết chuyển từ vay dài hạn sang vay ngắn hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2023 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	779.556.852.381	814.728.490.000	18.000.000.000	960.801.942.381	651.483.400.000
Vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ	1.470.000.000	4.170.000.000	-	3.340.000.000	2.300.000.000
	781.026.852.381	818.898.490.000	18.000.000.000	964.141.942.381	653.783.400.000

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	(*) 163.233.708.156	172.233.708.156
Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	(*) 163.233.708.157	172.233.708.157
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
	290.467.416.313	308.467.416.313

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên:

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà ga Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh – Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Vốn vay : Mỗi ngân hàng cam kết một khoản cho vay là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng);
- Thời hạn vay : 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay : Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ (trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm);
- Hình thức
đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ tài sản của Dự án hình thành trong tương lai bao gồm nhưng không giới hạn (công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị của Dự án) quyền tài sản phát sinh của dự án bao gồm nhưng không giới hạn (quyền phát sinh từ các hợp đồng đầu ra, quyền kinh doanh khai thác bến xe, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm...).

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2023 VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	30/06/2023 VND
Vay dài hạn ngân hàng	308.467.416.313	(18.000.000.000)	290.467.416.313
	<u>308.467.416.313</u>	<u>(18.000.000.000)</u>	<u>290.467.416.313</u>

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Quỹ thường Ban điều hành VND	Cộng VND
Số dư ngày 01/01/2023	117.067.114.053	1.687.844.087	118.754.958.140
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	24.369.250.000	466.496.250	24.835.746.250
Tăng khác	131.716.900	-	131.716.900
Giảm trong kỳ	<u>(27.709.124.052)</u>	<u>(575.500.000)</u>	<u>(28.284.624.052)</u>
Số dư ngày 30/06/2023	<u>113.858.956.901</u>	<u>1.578.840.337</u>	<u>115.437.797.238</u>

5.21 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tại ngày đầu kỳ	15.512.910.097	22.728.947.048
Tăng trong kỳ	1.158.158.073	3.232.145.115
Giảm trong kỳ	<u>(3.467.304.316)</u>	<u>(4.400.109.925)</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>13.203.763.854</u>	<u>21.560.982.238</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.22 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2022	1.796.569.000.000	661.908.425.182	-	-	2.458.477.425.182
Lãi trong kỳ	-	-	-	46.839.735.645	46.839.735.645
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	13.305.063.074	-	(13.305.063.074)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.428.000.000)	(18.428.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(366.903.750)	(366.903.750)
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(14.739.768.821)	(14.739.768.821)
Số dư 30/06/2022	1.796.569.000.000	675.213.488.256	-	-	2.471.782.488.256
Số dư 01/07/2022	1.796.569.000.000	675.213.488.256	-	-	2.471.782.488.256
Lãi trong kỳ	-	-	-	119.239.245.675	119.239.245.675
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	35.013.051.706	-	(35.013.051.706)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	26.733.250.000	26.733.250.000
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	513.667.500	513.667.500
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(56.979.276.469)	(56.979.276.469)
Số dư 31/12/2022	1.796.569.000.000	710.226.539.962	-	-	2.506.795.539.962
Số dư 01/01/2023	1.796.569.000.000	710.226.539.962	-	-	2.506.795.539.962
Lãi trong kỳ	-	-	-	124.924.845.971	124.924.845.971
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	36.712.104.555	-	(36.712.104.555)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.369.250.000)	(24.369.250.000)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(466.496.250)	(466.496.250)
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(63.376.995.166)	(63.376.995.166)
Số dư 30/06/2023	1.796.569.000.000	746.938.644.517	-	-	2.543.507.644.517

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	30/06/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	23.326,18	23.332,78

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.024.544.772.647	1.820.085.609.995
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	160.251.290.884	223.816.636.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	164.118.010.003	165.043.955.755
Doanh thu xây dựng	(54.884.795)	16.031.625.361
Doanh thu dịch vụ bến xe	12.188.620.145	860.109.002
Doanh thu bất động sản	-	30.909.091
Doanh thu khác	47.108.981.203	31.829.202.549
Doanh thu thuần	1.408.156.790.087	2.257.698.048.299

Trong đó, doanh thu các bên liên quan

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	1.932.260	20.309.790
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	92.214.020	19.167.639
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	36.990.982	49.933.699
Chi nhánh Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn tại Thành phố Cần Thơ	27.999.999.995	-
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	968.621.243	156.964.716
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines tại TP Hà Nội	27.999.999.995	-
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	895.459.680	376.374.762
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	746.413.748	9.247.550.466
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho	2.568.541.520	3.599.235.388
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	1.760.045.246	1.609.719.870
Công ty CP Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	-	5.027.900
Công ty CP Ôtô An Thái	3.420.000	-
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	61.362.100	447.000
Công ty CP Cảng Phú Định	-	8.080.000
Công ty CP Đóng tàu An Phú	-	14.816.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	10.059.050	4.116.114
	63.145.059.839	15.111.743.344

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa	986.539.571.334	1.700.290.269.709
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	149.656.464.406	197.965.515.691
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	159.758.162.729	156.832.809.349
Giá vốn xây dựng	1.986.140	15.465.517.345
Giá vốn dịch vụ bến xe	54.199.143.405	59.195.802.179
Giá vốn khác	20.176.401.815	19.821.810.346
	1.370.331.729.829	2.149.571.724.619

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	309.945.583	156.601.254
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	231.604.315.975	102.268.340.227
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	62.313.886	4.975.698
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.120.498
Thu nhập tài chính khác	5.054.219.907	2.284.081.250
	237.030.795.351	104.720.118.927

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	24.900.549.550	11.077.404.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.405.166	14.926.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.051.570	-
	24.914.006.286	11.092.330.708

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên	16.709.540.047	17.240.769.653
Chi phí vật liệu	569.628.434	791.239.615
Chi phí đồ dùng văn phòng	635.061.622	554.578.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.914.906.586	5.685.810.556
Chi phí bảo hành	1.702.608.289	1.478.115.210
Chi phí thuê đất, mặt bằng	13.554.757.732	11.608.037.323
Chi phí hoa hồng	3.209.631.764	4.560.936.283
Chi phí bảo hiểm	6.249.581.276	8.977.193.366
Chi phí quà tặng, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	34.238.136.590	58.754.556.537
Chi phí bán hàng khác	19.771.389.156	20.944.192.914
	102.555.241.496	130.595.430.375

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	33.352.862.482	30.869.319.424
Chi phí vật liệu quản lý	251.640.885	247.398.492
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.326.052.731	1.009.322.427
Chi phí khấu hao	2.118.455.394	1.991.812.746
Thuế, phí và lệ phí	4.224.155.301	(911.193.580)
Chi phí dự phòng	(2.800.000.000)	(2.767.941.266)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.282.469.265	14.056.104.572
	54.755.636.058	44.494.822.815

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định (*)	863.636	-
Thu nhập từ tiền thưởng hoàn thành kế hoạch	2.907.615.000	2.160.929.150
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	28.503.342.619	12.369.629.567
Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng	483.845.447	-
Thu nhập khác	1.073.981.488	7.207.994.411
	32.969.648.190	21.738.553.128

(*) Chi tiết thanh lý tài sản cố định trong năm như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi (lỗ) thanh lý tài sản cố định, trong đó:		
Thu từ thanh lý	863.636	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
	863.636	-

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền chậm nộp	1.220.081	13.093.004
Chi phí khác	674.553.907	1.543.401.370
	675.773.988	1.556.494.374

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí hàng hóa thương mại	1.010.229.203.040	1.700.290.269.709
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	241.257.241.700	211.563.084.109
Chi phí nhân viên	106.046.728.643	95.259.929.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.777.186.453	54.407.825.775
Chi phí dự phòng	(2.800.000.000)	(6.666.108.656)
Chi phí khác	127.317.864.196	189.525.412.160
	1.533.828.224.032	2.244.380.412.881

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	818.898.490.000	1.431.719.733.846
	818.898.490.000	1.431.719.733.846

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	964.141.942.381	1.509.581.072.699
	964.141.942.381	1.509.581.072.699

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lương và thưởng người quản lý Tổng Công ty	3.372.426.671	3.475.814.531
Lương và thưởng Ban Kiểm soát	912.012.605	440.911.931

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.214.020	19.167.639
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	-	232.360.000
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.932.260	20.309.790
	Mua dịch vụ	-	14.436.969.619
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Cổ tức được chia	378.276.125	575.475.000
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.362.100	447.000
	Cổ tức được chia	3.060.000.000	3.060.000.000
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.059.050	4.116.114
	Cổ tức được chia	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.990.982	49.933.699
	Mua dịch vụ	248.908.119	64.885.666
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn tại Thành phố Cần Thơ			
	Mua dịch vụ	37.170.357	31.609.927
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Doanh thu bán hàng	71.216.275	11.152.288
	Doanh thu dịch vụ	897.404.968	145.812.428
	Lãi chậm trả	2.684.750.000	-
	Mua dịch vụ	685.658.568	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines tại Hà Nội			
	Doanh thu bán hàng	27.999.999.995	-
	Lãi chậm trả	2.369.469.907	-
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Doanh thu bán xe, phụ tùng và cung cấp dịch vụ	895.459.680	376.374.762
	Mua dịch vụ	899.345.454	-
Công ty CP Hoà Phú			
	Mua hàng hóa, dịch vụ	713.915.016	345.755.410

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty CP Ôtô An Thái			
	Doanh thu dịch vụ	3.420.000	-
	Mua phụ tùng	14.481.950	7.708.796
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.551.164.120	3.584.066.868
	Doanh thu dịch vụ	17.377.400	15.168.520
	Mua dịch vụ	10.513.100	-
	Mua hàng hóa	668.327.273	
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây			
	Doanh thu bán phụ tùng	-	5.027.900
	Mua phụ tùng	31.279.500	-
	Cỗ tức được chia	-	1.445.775.000
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2			
	Mua nguyên vật liệu	8.927.188.550	12.244.423.398
	Cỗ tức được chia	1.443.107.900	1.052.619.880
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.760.045.246	1.609.719.870
	Thu nhập từ hoạt động đại lý	275.181.818	202.492.212
	Mua hàng hóa, dịch vụ	209.583.506.577	213.357.918.734
	Chi hộ	720.000.000	1.972.625.454
	Lợi nhuận được chia	224.172.931.950	92.389.966.470
Công ty Cổ Phần Đóng Tàu An Phú			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	14.816.000
Công ty TNHH Ô Tô Toyotsu Samco			
	Thu nhập điện, nước, tiện ích khác	746.413.748	812.545.749
	Tiền thuê nhà xưởng nhận trước	13.488.279.552	3.972.746.238
	Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa xe	-	9.247.550.466
	Mua nguyên liệu	11.808.000	5.058.775.530
	Lợi nhuận được chia	-	
Công ty Cổ Phần Cảng Phú Định			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	8.080.000

Số dư các khoản phải thu / (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	13.882.064.965	85.515.427.583

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	22.820.600	1.783.380
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Phải trả người bán ngắn hạn	-	(827.244.551)
	Phải thu ngắn hạn khác – Lợi nhuận được chia	-	33.781.604.688
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.128.502.993	3.128.502.993
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn			
	Phải trả người bán ngắn hạn	(111.689.221)	(321.660.896)
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	1.499.160
Chi nhánh Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn tại Thành phố Cần Thơ			
	Phải trả người bán ngắn hạn	(13.900.215)	(11.872.367)
Công ty CP Xe khách & Dịch vụ Miền Tây			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	19.110.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	70.599.956.080	73.061.754.724
	Phải trả người bán ngắn hạn	(793.311.056)	(668.057.437)
Chi nhánh Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines tại TP Hà Nội			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	89.392.777.772	76.150.000.000
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	69.810.989.508	215.187.140
	Phải thu ngắn hạn khác	-	2.600.000.000
	Phải trả khác – ký quỹ	(61.510.000)	-
	Phải trả người bán ngắn hạn	(419.040.000)	-
Công ty CP Hoà Phú			
	Phải trả người bán ngắn hạn	(153.311.892)	(126.308.666)
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	10.739.290
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	49.337.233.055	49.337.233.055
	Phải trả người bán ngắn hạn	-	(1.342.751.502)
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(6.744.139.776)	-
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(79.561.630.379)	(82.199.032.493)
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.708.000	6.941.980
	Phải trả người bán ngắn hạn	(5.550.050)	(8.277.140)
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(36.119.868.365)	(37.214.409.833)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	366.286.634	366.286.634
Công ty Vận tải Sông Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khác	123.605.791	123.605.791
Công ty TNHH Mercedes Benz VN			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.764.290	8.764.290
Công ty CP Vận tải Ôtô Số 2			
	Phải trả người bán ngắn hạn	(4.210.809.090)	(3.382.900.000)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	818.879.998	1.025.363.274
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	225.630.957.121	1.458.025.171
	Phải thu ngắn hạn khác	206.129.090	68.629.090
	Phải trả người bán ngắn hạn	(29.147.568.489)	(18.304.360.799)
Công ty Cổ Phần Đóng tàu An Phú			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	16.279.380
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức	3.060.000.000	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức	378.276.125	-

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

8.3 Cam kết thuê

Hợp đồng thuê

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm sau:

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
• Số 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	01/01/1996-01/01/2046	11.018,00 m ²
• Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	20/01/1996-31/12/2020 (**)	318,40 m ²

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
• Số 708 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6	05/12/2005-31/12/2020 (**)	1.224,00 m ²
• Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10	13/08/2007-13/08/2057	846,10 m ²
• Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	13/09/2013-01/01/2046	8.473,40 m ²
• Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	04/08/2003-04/08/2053	637,60 m ²
• Số 79 – 81 (số cũ 6/6) Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	01/12/2006 - 31/12/2020 (**)	5.833,75 m ²
• Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9	ngắn hạn (*)	8.078,50 m ²
• Số 121-139 Cô Giang, Quận 1	21/05/2009 - 21/05/2059	13.479,90 m ²
• 1135.QL1A, P.Tân Tạo, Quận Bình Tân	15/06/1998 - 15/06/2048	3.592,00 m ²
• 1450 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6	03/03/2009 - 03/03/2059	179,70 m ²
• Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1	16/06/2003 - 16/06/2053	48.232,00 m ²
• Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ôtô Củ Chi TC Khu 2	26/05/2009 - 22/07/2054	7.375,30 m ²
• Khu vị trí 1 tại đường Hoàng Hữu Nam và đường số 13, phường Long Bình, quận 9	03/02/2017 - 03/02/2067	123.016,40 m ²
• Khu 2: Thửa đất 8,7m2 tại phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Bến xe Miền Đông mới) theo thông báo số 67/TB-CCT(TTĐ) ngày 5/05/2020	06/06/2017 - 03/02/2067	36.968,80 m ²

(*) Thời gian thuê là ngắn hạn hàng năm, cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch.

(**) Chưa có hợp đồng thuê đất, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Sở ban ngành về vấn đề ký lại hợp đồng thuê đất.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	35.306.219.833	34.009.496.555
Trong vòng hai đến năm năm	130.811.650.044	136.037.986.219
Trên năm năm	972.387.172.189	1.060.431.819.449
	<u>1.138.505.042.065</u>	<u>1.230.479.302.223</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập biểu

HUỲNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOẢN
Tổng giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

MẪU SỐ 01
BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
(CÔNG TY MẸ)
KỲ BÁO CÁO: 6 THÁNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	69.045.349.597	70.134.170.472
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	2.800.000.000	2.767.941.266
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D (đồng)	653.783.400.000	567.125.276.566
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	651.483.400.000	565.675.276.566
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)	2.300.000.000	1.450.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác		D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	290.467.416.313	326.467.416.313
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	290.467.416.313	326.467.416.313
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang		D (đồng)	16.748.543.064	(54.420.201.050)
8. Vốn điều lệ		D (đồng)	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	101.140.178.513	65.775.810.646
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	35.048.909.290	50.090.038.161
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)	2.714.274.057	946.003.664
c) Cố tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	63.376.995.166	14.739.768.821
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	58.931.991.776	63.453.156.780
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P (đồng)	21.765.812.116	88.418.867
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	58.956.729.801	(52.097.547.184)
12. Tổng quỹ lương		P (đồng)	83.320.840.759	75.902.466.282
13. Số lao động bình quân (người)		P (người)	1.139	1.074
14. Tiền lương bình quân người/năm		P (đồng)	13.374.057	12.021.523

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế TP.HCM;
- Ủy ban Nhân dân TP.HCM;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM;
- Sở Thông tin và Truyền thông TP.HCM;
- Sở Tài chính TP.HCM
- Cục thống kê TP.HCM;
- Chi Cục tài chính doanh nghiệp;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Lưu : VT,TCKT(1b).HT.10.



TRẦN QUỐC TOẢN

